|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /KH-UBND | *Sóc Trăng, ngày tháng 01 năm 2023* |

DỰ THẢO

**KẾ HOẠCH**

**Về việc triển khai thực hiện Dự án 7- Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc nguời dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ- TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ Y tế về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện Dự án 7-Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 2283/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (ngân sách trung ương);

Căn cứ Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 13/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 19/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc nguời dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

1. **Mục đích**

Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng nhằm nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe, cải thiện thể trạng, tầm vóc nguời dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, góp phần giải quyết tốt các vấn đề xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước; góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội.

**2. Yêu cầu**

Triển khai đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định của chương trình kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan đầu mối tuyến tỉnh với các địa phương, phát huy tính chủ động, tích cực trong quá trình thực hiện đảm bảo đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra.

**II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại. Tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ. Tăng cường công tác Y tế cơ sở để đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại. Tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tăng cường khả năng tiếp cận của đồng bào dân tộc thiểu số đối với các dịch vụ chăm sóc có chất lượng về sức khỏe, dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ban hành theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội.

**2. Nguyên tắc thực hiện**

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ: Thực hiện theo mục 2 phụ lục VII của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 07/2022/NQ- HĐND ngày 29/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ nhu cầu thực tế, địa phương, đơn vị lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch và triển khai thực hiện theo các quy định hiện hành, đảm bảo không trùng lắp với các nguồn vốn và các chương trình, dự án khác.

**3. Chỉ tiêu chuyên môn**

Hoạt động Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc nguời dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em gồm 3 nội dung, chỉ tiêu kế hoạch của từng nội dung như sau:

**a) Nội dung 1:**

Tập huấn chuyên môn cho cán bộ y tế tại các trạm y tế xã, phường, thị trấn và một số Trung tâm Y tế tuyến huyện, thị xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

Không có vi rút bại liệt hoang dại.

**b) Nội dung 2:**

Có 25% nam, nữ được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (viết gọn ĐBDTTS&MN);

Có 20% bà mẹ mang thai được tầm soát, sàng lọc trước sinh tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN;

Có 25% trẻ sơ sinh được tầm soát, sàng lọc sơ sinh tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN;

Có 60% người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm tại các xã thuộc vùng ĐBDTTS&MN;

Tăng thêm 60% (so với chỉ tiêu hàng năm) người sử dụng dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình tại các xã có triển khai chiến dịch tại khu vực III và II thuộc vùng ĐBDTTS&MN.

**c) Nội dung 3:**

***Chỉ tiêu, nhiệm vụ về Chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời***

Chỉ tiêu 1: Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể nhẹ cân 0,9%.

Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi 0,5%.

Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm 0,3%.

Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ xã KV3 triển khai Mô hình chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời 40% (7 xã).

Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ phụ nữ có thai tại các xã KV3 được cấp sản phẩm dinh dưỡng từ khi phát hiện mang thai 60%

Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ trẻ em SDD trên 6 - 23 tháng tuổi tại các xã KV3 được cấp sản phẩm dinh dưỡng bao gồm: khẩn cấp, mất mùa, thiên tai, dịch bệnh … 80%

***Chỉ tiêu, nhiệm vụ về Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em***

Chỉ tiêu 7: Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi 11,7 %0

Chỉ tiêu 8: Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám ít nhất 4 lần/3 thời kỳ 80%

Chỉ tiêu 9: Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của nhân viên y tế 99,3%

Chỉ tiêu 10: Tỷ lệ phụ nữ đẻ được chăm sóc sau sinh tại nhà 3 lần/42 ngày sau đẻ 58%

Chỉ tiêu 11: Tỷ lệ trẻ em dưới 2 tuổi tại các xã KV3 được khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần 74%

***Chỉ tiêu, nhiệm vụ về tuyên truyền vận động và truyền thông thay đổi hành vi về sức khỏe bà mẹ, trẻ em***

Chỉ tiêu 13: Tỷ lệ phụ nữ có thai tại xã KV3 biết được ít nhất 3 dấu hiệu nguy hiểm ở bà mẹ mang thai, 3 dấu hiệu nguy hiểm ở bà mẹ sau sinh và 3 dấu hiệu nguy hiểm ở trẻ sơ sinh 90%

Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ xã KV3 triển khai thực hiện Tuần lễ làm mẹ an toàn hàng năm 90%

Chỉ tiêu 15: Tỷ lệ phụ nữ mang thai tại xã KV3 được tiếp cận ít nhất 1 loại tài liệu truyền thông về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em 90%

**4. Đối tượng thụ hưởng**

**a) Đối tượng chung của Dự án**

Các địa phương thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**b) Đối tượng riêng từng nội dung**

- Nội dung 1:

+ Người dân tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi.

+ Trung tâm y tế huyện và tương đương.

+ Cán bộ y tế, dân số; nhân viên Trung tâm y tế huyện, Bệnh viện huyện; nhân viên trạm y tế xã, viên chức dân số xã; nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dân số; cô đỡ thôn bản.

- Nội dung 2:

+ Người dân tại vùng ĐBDTTS&MN, đặc biệt là nam nữ thanh niên, phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ.

+ Trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã

+ Cán bộ y tế, dân số, nhân viên Trung tâm y tế huyện, nhân viên trạm y tế xã, viên chức dân số xã; nhân viên y tế ấp, cộng tác viên dân số.

+ Triển khai thực hiện tại 17 xã khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

- Nội dung 3:

+ Phụ nữ mang thai, bà mẹ sau sinh, tập trung can thiệp cho trẻ nhỏ từ 0 - 24 tháng tuổi;

+ Cán bộ y tế tại các tuyến, nhân viên y tế khóm/ấp, cộng tác viên dinh dưỡng;

+ Người chăm sóc trẻ.

**III. NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU**

**A. NỘI DUNG 1: XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ CƠ SỞ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI” THUỘC DỰ ÁN 7- CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TẦM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM.**

**1. Đào tạo nhân lực y tế, hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật, đào tạo bác sỹ gia đình**

**1.1. Nội dung thực hiện**

**a) Hỗ trợ kinh phí đào tạo**

- Bác sĩ đã tốt nghiệp được tuyển dụng làm việc tại các cơ sở y tế thuộc các huyện nghèo, khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bác sĩ đã tốt nghiệp, có hộ khẩu thường trú thuộc các huyện nghèo, khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Sinh viên đã trúng tuyển và nhập học đối với ngành Điều dưỡng, các ngành thuộc nhóm ngành Kỹ thuật y học trình độ đại học, có hộ khẩu thường trú thuộc các huyện nghèo, khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Các đối tượng được thụ hưởng của dự án phải cam kết công tác lâu dài tại đơn vị y tế tuyến cơ sở thuộc địa bàn thực hiện dự án (tối thiểu 05 năm) tính từ thời gian trực tiếp làm việc tại bệnh viện/trung tâm y tế tuyến huyện/trạm y tế xã (không kể thời gian đào tạo). Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng tại địa phương thực hiện ký cam kết về thời gian công tác với đối tượng được dự án hỗ trợ đào tạo và đối tượng được hỗ trợ chưa được nhận chính sách đào tạo tương tự tại đại phương.

- Nội dung thực hiện

Tùy theo nguồn kinh phí được giao hàng năm để triển khai thực hiện nội dung này giai đoạn 2022 – 2025, cụ thể:

+ Hỗ trợ đào tạo bác sĩ chuyên khoa cấp I cho bác sĩ đã tốt nghiệp được tuyển dụng làm việc tại các cơ sở y tế thuộc **các huyện** nghèo, khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Hỗ trợ đào tạo bác sĩ chuyên khoa cấp I cho bác sĩ đã tốt nghiệp, có hộ khẩu thường trú thuộc **các huyện** nghèo, khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Hỗ trợ đào tạo cử nhân Điều dưỡng, cử nhân các ngành thuộc nhóm ngành Kỹ thuật Y học cho các Sinh viên đã trúng tuyển ngành Điều dưỡng, các ngành thuộc nhóm ngành Kỹ thuật y học trình độ đại học, có hộ khẩu thường trú thuộc **các huyện** nghèo, khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm b Điều 35 Mục 7 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính.

- Nguyên tắc thực hiện: theo hướng dẫn tại điểm 2.3, khoản 2, Mục II phụ lục I, Quyết định 2415/QĐ-BYT của Bộ Y tế.

- Các huyện nghèo theo quyết định của cấp thẩm quyền.

**b) Đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho các đơn vị tuyến huyện, xã**

Triển khai đào tạo các cập nhật kiến thức về điều trị, phòng ngừa các bệnh thường gặp và xử lý tình huống cấp cứu trong cộng đồng làm tiền đề nâng cao kiến thức chuyên môn và huấn luyện kỹ năng cho nhân viên y tế thực hiện được danh mục dịch vụ kỹ thuật theo phân tuyến cho trạm y tế xã.

Dự kiến các lớp đào tạo và danh mục dịch vụ kỹ thuật tuyến xã, ưu tiên triển khai thuộc danh mục dịch vụ được quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BYT của Bộ Y tế trong giai 2022 - 2025.

Tổ chức đào tạo chuyên môn y học gia đình và triển khai thí điểm mô hình phòng khám bác sỹ gia đình tuyến xã theo Thông tư số 21/2019/TT-BYT ngày 21/8/2019 của Bộ Y tế hướng dẫn thí điểm về hoạt động y học gia đình.

**1.2. Cách thức tiến hành**

a) Đánh giá nhu cầu đào tạo Bác sỹ, Bác sỹ chuyên khoa I và cử nhân Điều dưỡng, cử nhân các ngành thuộc nhóm ngành Kỹ thuật Y học thực hiện theo quy định của Bộ Y tế khi có phát sinh nhiệm vụ.

b) Đánh giá nhu cầu đào tạo, chuyển giao kỹ thuật và xây dựng kế hoạch chuyển giao kỹ thuật.

+ Tháng 10 hằng năm, Bệnh viện huyện, Trung tâm y tế huyện, thị xã gửi phiếu khảo sát đánh giá nhu cầu triển khai kỹ thuật về các trạm y tế xã.

+ Trên cơ sở nhu cầu của các trạm y tế xã, Trung tâm y tế huyện hoặc tuyến tỉnh thống kê danh mục kỹ thuật để chuyển giao, lập kế hoạch đào tạo chuyển giao kỹ thuật.

+ Bệnh viện tuyến tỉnh xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo theo quy định về đào tạo liên tục:

. Bệnh viện Đa khoa tỉnh phụ trách đào tạo, chuyển giao các nội dung liên quan đến chẩn đoán và điều trị các bệnh ở người lớn;

. Bệnh viện Chuyên khoa Sản Nhi đào tạo về Chuyên khoa Sản phụ khoa và nhi khoa;

. Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật đào tạo về sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình và dinh dưỡng.

+ Liên kết các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe để đào tạo các lớp học về y học gia đình và hỗ trợ tư vấn triển khai thí điểm mô hình Bác sỹ gia đình ở trạm y tế.

Các đơn vị chủ động xây dựng chương trình chi tiết theo nhu cầu báo về Sở Y tế để cấp kinh phí triển khai. Sở Y tế tổ chức thẩm định danh mục kỹ thuật mới cho trạm y tế, trạm y tế tổ chức thực hiện kỹ thuật.

Các lớp đào tạo, chuyển giao kỹ thuật dự kiến tổ chức trong giai đoạn 2022 đến 2025 gồm:

+ Đào tạo kỹ năng cơ bản về Cấp cứu và hồi sức cấp cứu.

+ Các lớp kiến thức cơ bản về y học gia đình, về các bệnh không lây nhiễm, chẩn đoán, xử trí ban đầu các bệnh phổ biến trong cộng đồng; kiến thức về chăm sóc bà mẹ và trẻ em, kiến thức về kiểm soát nhiễm khuẩn trong khám chữa bệnh tuyến xả phường, thị trấn.

+ Các lớp đào tạo y học gia đình và chuyển giao kỹ thuật tuyến xã:

| **STT** | **Nội dung** | **Số lớp/năm** | **Đối tượng** | **Thời gian đào tạo** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Đào tạo y học gia đình** | | | |
|  | Y học gia đình | 1 -2 | Bác sỹ, Y sỹ khám bệnh tuyến xã thuộc đối tượng của chương trình | 3 tháng |
|  | Y học gia đình | 1 – 2 | Điều dưỡng, hộ sinh và nhân viên y tế thuộc đối tượng của chương trình | Theo chương trình của Cơ sở đào tạo |
|  | Cập nhật kiến thức chuyên môn theo nguyên lý y học gia đình | 1 – 2 | Nhân viên y tế tuyến xã thuộc đối tượng của chương trình | 3 - 5 ngày |
|  | Hội nghị, hội thảo chuyên đề và y học gia đình | 1 – 2 | Nhân viên y tế tuyến xã thuộc đối tượng của chương trình | 1 - 2 ngày |
|  | **Chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã** | | | |
|  | Điện tâm đồ | 1 - 2 | Bác sỹ thuộc đối tượng của chương trình | 2 tháng |
| 2.2 | Siêu âm tổng quát | 1 - 2 | Bác sỹ thuộc đối tượng của chương trình | 3 tháng |
| 2.3 | Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng cơ bản | 1 - 2 | Y sỹ, Bác sỹ, Điều dưỡng thuộc đối tượng của chương trình | 3 tháng |
| 2.4 | Kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng tuyến xã, phường. | 1 - 2 | Nhân viên y tế tuyến huyện, xã thuộc đối tượng của chương trình | 2 - 3 tuần |
| 2.5 | Dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em tuyến xã, phường. | 1 - 2 | Nhân viên y tế tuyến huyện, xã thuộc đối tượng của chương trình | 1 - 2 tuần |
| 2.6 | Kiểm soát nhiễm khuẩn trong cung cấp dịch vụ y tế tuyến xã | 1 – 2 | Nhân viên y tế tuyến huyện, xã thuộc đối tượng của chương trình | 1 - 2 ngày |
| 2.7. | Cấp cứu ban đầu | 1 -2 | Nhân viên y tế tuyến huyện, xã thuộc đối tượng của chương trình | 2-5 ngày |
| 2.8 | Chẩn đoán và điều trị một số bệnh mạn tính | 1 -2 | Nhân viên y tế tuyến huyện, xã thuộc đối tượng của chương trình | 2-3 ngày |
| 2.9 | Chẩn đoán và xử trí một số triệu chứng thường gặp | 1 -2 | Nhân viên y tế tuyến huyện, xã thuộc đối tượng của chương trình | 2-3 ngày |
| 2.10 | Chăm sóc sức khỏe sinh sản | 1 -2 | Nhân viên y tế tuyến huyện, xã thuộc đối tượng của chương trình | 7-10 ngày |
| 2.11 | Kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ tư vấn chuyên biệt | 1 -2 | Nhân viên y tế tuyến huyện, xã thuộc đối tượng của chương trình | 3– 5 ngày |

**2. Hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn bản**

Hằng năm, địa phương lập danh sách Cô đỡ thôn, bản thuộc các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đã được đào tạo và đang trực tiếp thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng; lập kế hoạch, dự trù kinh phí và chi trả phụ cấp cho các Cô đỡ thôn bản theo quy định tại Khoản 2, Điều 35 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính về Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Lưu ý: Người được hỗ trợ là người chưa nhận hỗ trợ tương tự ở các chương trình, dự án khác.

**3. Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm**

Triển khai điểm tiêm chủng ngoài trạm trong tiêm chủng thường xuyên đối với các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn về địa lý hoặc trong chiến dịch tiêm chủng.

Trạm y tế xác định các thôn bản nguy cơ cao có tỷ lệ tiêm chủng thấp và lập kế hoạch tiêm chủng để đảm bảo tổ chức điểm tiêm chủng ngoài trạm thực hiện tiêm chủng các vắc xin trong tiêm chủng mở rộng ít nhất 1 buổi/tháng tại các địa bàn này.

Tổ chức buổi tiêm chủng ngoài trạm thực hiện theo Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và Thông tư 34/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ Y tế hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

Mức hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Các đơn vị đăng ký lập bàn tiêm ngoại trạm báo cáo Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật, Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố thẩm định thành lập và báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp và điều tiết kinh phí theo nhu cầu, nội dung này thực hiện ở các xã khu vực III.

**4. Kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các quy định hiện hành.

# **B. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DÂN SỐ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI” THUỘC DỰ ÁN 7- CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TẦM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM**

## **1. Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

Nhân bản và cấp phát về cơ sở tờ bướm (tờ gấp) “Tư vấn sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh” (bằng tiếng Việt).

Đăng tải, chia sẻ video phóng sự, thông điệp truyền hình bằng tiếng Việt về thực trạng nâng cao chất lượng dân số vùng ĐBDTTS&MN trên các nền tảng mạng xã hội của đơn vị và ngành Y tế.

Truyền thông, vận động chính sách, pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình; tổ chức tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; truyền thông kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản liên quan trực tiếp đến cuộc sống trước và sau kết hôn.

+ Tổ chức truyền thông về tư vấn, khám sức khỏe trước kết hôn gắn với các nội dung: dân số & phát triển, hôn nhân và gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản … tại 63 xã (46 xã khu vực I và 17 xã khu vực III)

+ Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại 11 huyện, thị xã, thành phố (cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước kết hôn cho các đối tượng thuộc các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I và khu vực III.

Nội dung tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn thực hiện theo *Quyết định số 25/QĐ-BYT* ngày 07/01/2011 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân.

Tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh:

+ Tập huấn kỹ thuật siêu âm sàng lọc trước sinh cho cán bộ y tế 11 Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố (mỗi đơn vị từ 2 – 4 bác sĩ).

+ Tập huấn kỹ thuật lấy máu gót chân sàng lọc sơ sinh cho cán bộ y tế làm công tác kỹ thuật tại 63 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

+ In ấn sổ sách, ghi chép theo dõi quản lý phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh được sàng lọc cho 63 xã, phường, thị trấn.

+ Tổ chức chiến dịch cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh hàng năm tại các xã triển khai thực hiện dự án.

Nội dung tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn tại Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán điều trị trước sinh và sơ sinh và Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03/12/2019 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 34/2017/TT-BYT; Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

Truyền thông, giáo dục về tảo hôn, hôn nhân cận huyết và bệnh tan máu bẩm sinh:

+ Tổ chức các buổi truyền thông, vận động, tư vấn nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào dân tộc thiểu số về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, phòng chống bệnh Thalassemia.

+ Cung cấp thông tin, tài liệu, sản phẩm tuyên truyền về hôn nhân và ngăn ngừa tảo hôn, hôn nhân cận huyết.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ nam, nữ thanh niên đến thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn tại Trung tâm Y tế huyện; hỗ trợ bà mẹ thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh theo Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính và Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020.

## **2. Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số**

Cử công chức, nhân viên, cán bộ y tế - dân số tham gia lớp tập huấn hướng dẫn chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi và sử dụng ứng dụng S-Health do Trung ương tổ chức.

Phối hợp kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật theo kế hoạch của Trung ương.

Xây dựng, phát triển mạng lưới tình nguyện viên tham gia các hoạt động: theo dõi, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, quản lý các bệnh mạn tính, bệnh không lây nhiễm tại gia đình cho người cao tuổi.

+ Thành lập tổ tình nguyện viên ở xã (Trạm trưởng/phó trạm y tế là Tổ trưởng, thành viên là viên chức phụ trách công tác dân số và đại diện Hội người cao tuổi xã, bác sĩ gia đình. Mỗi ấp có từ 3-5 tình nguyện viên là cộng tác viên dân số, y tế ấp, hội viên Hội người cao tuổi và thành viên là một số ban ngành ở ấp).

+ Xây dựng, hướng dẫn quy định về chức năng, nhiệm vụ, cách thức thành lập tổ tình nguyên viên, các chính sách khuyến khích cho các tình nguyện viên; các trang thiết bị thiết yếu cho tình nguyện viên.

+ Duy trì các hoạt động của tổ tình nguyện viên ở cấp xã, phường, thị trấn.

Nâng cao năng lực cho trạm y tế xã trong thực hiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống các bệnh không lây nhiễm cho người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng.

+ Tổ chức 2 lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ y tế làm công tác tư vấn, khám sức khỏe cho người cao tuổi tại 63 xã và 11 trung tâm y tế huyện. Nội dung: phổ biến kiến thức về rèn luyện thân thể, tăng cường sức khỏe và phòng bệnh, đặc biệt là các bệnh mạn tính và các bệnh thường gặp ở người cao tuổi; Hướng dẫn các kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khỏe; phục hồi chức năng cho người cao tuổi tại cộng đồng.

+ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi.

+ Khám bệnh, chữa bệnh cho người cao tuổi tại trạm y tế và tại nơi cư trú.

+ Lập hồ sơ theo dõi sức khỏe bao gồm cả quản lý, cấp phát thuốc bệnh không lây nhiễm cho người cao tuổi.

+ Bổ sung trang thiết bị thiết yếu thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và phục hồi chức năng cho người cao tuổi tại cộng đồng.

Truyền thông cung cấp kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và hướng dẫn người cao tuổi kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc cho người cao tuổi và gia đình có người cao tuổi. Đảm bảo tổ chức 1 điểm truyền thông (từ 30 đối tượng)/xã/năm.

Tổ chức các đợt chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe, sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi hàng năm nhằm đảm bảo người cao tuổi tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số được theo dõi (có lập hồ sơ) và khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm. Thực hiện các nội dung khám theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế và Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/11/2011 của Bộ Y tế về hướng dẫn thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

## **3. Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

Tuyên truyền, vận động chính sách, pháp luật về dân số, cư trú phù hợp với tâm lý, tập quán của đồng bào dân tộc sinh sống tại vùng ĐBBDTTS&MN, tổ chức truyền thông, tư vấn chính sách pháp luật của Nhà nước về dân số và các nội dung khác có liên quan.

Tổ chức các đợt chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình tại các xã thuộc vùng ĐBDTTS&MN. Tăng cường tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGĐ. Tư vấn cộng đồng về tình dục an toàn, hệ lụy của phá thai, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh.

Tăng cường kiểm soát, quản lý dân số tại các vùng ĐBDTTS&MN. Bổ sung trang thiết bị cho Kho dữ liệu chuyên ngành; Tiến hành rà soát thông tin, số liệu dân số trong kho dữ liệu chuyên ngành, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác thống kê, tin học tuyến huyện, xã.

Thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng trong các Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số ; kiểm soát, quản lý dân số vùng ĐBDTTS&MN theo Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính.

Điều tra, khảo sát về các chỉ tiêu làm cơ sở đánh giá trước và sau khi thực hiện dự án tại các địa bàn triển khai.

## **4. Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số về chuyên môn kỹ thuật; nghiệp vụ quản lý dân số.

Nội dung tập huấn:

+ Thông tư 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022 của Bộ Y tế Quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số;

+ Kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng và cung cấp biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng ;

+ Đảm bảo mạng lưới y tế - dân số - tư pháp tuyến cơ sở đủ năng lực tư vấn về dịch vụ khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh, sơ sinh và theo dõi, quản lý đối tượng;

+ Nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ Y tế.

Nâng cao năng lực cho Trạm Y tế xã trong thực hiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống các bệnh lây nhiễm cho người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng.

Kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá, quản lý hoạt động. Phối hợp kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGĐ.

Định kỳ tổ chức hội nghị triển khai, sơ kết báo cáo tình hình hoạt động của các nội dung.

## **5. Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

Triển khai đồng bộ các hoạt động Chương trình 1999 Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030.

Truyền thông, thay đổi và nâng cao nhận thức, thái độ hành vi của cộng đồng người dân tộc thiểu số trong việc thực hiện sàng lọc bệnh Thalassemia.

Tổ chức các hoạt động truyền thông nhân ngày Thalassemia thế giới 8/5 và những chiến dịch truyền thông khác.

Tổ chức hội thảo cung cấp kiến thức về bệnh Thalassemia cho các tổ chức đoàn thể, xã hội như : Mặt trận tổ quốc, Hội phụ nữ, Liên đoàn lao động, Đoàn thanh niên, cán bộ tư pháp, giáo viên . . .

Tập huấn cung cấp kiến thức về bệnh Thalassemia cho cán bộ y tế các xã, phường, thị trấn.

# **C. CHĂM SÓC SỨC KHỎE, DINH DƯỠNG BÀ MẸ - TRẺ EM NHẰM GIẢM TỬ VONG BÀ MẸ, TỬ VONG TRẺ EM, NÂNG CAO TẦM VÓC, THỂ LỰC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ” THUỘC DỰ ÁN 7- CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TẦM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM**

## **1. Hoạt động chung**

***1.1 Hội thảo chuyên đề triển khai các nội dung chuyên môn về chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em tại Trung ương***

Cử cán bộ tham gia hội thảo (mỗi tỉnh dự kiến 05 đại biểu: 01 Sở Y tế, 03 TT KSBT, 01 BV tỉnh)

***1.2 Hội thảo rà soát việc thực hiện các mục tiêu và nội dung chuyên môn về chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em tại Trung ương***

Cử cán bộ tham gia hội thảo (mỗi tỉnh dự kiến 05 đại biểu: 01 Sở Y tế, 03 TT KSBT, 01 BV tỉnh)

***1.3 Kiểm tra, giám sát hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật, đánh giá và báo cáo định kỳ việc thực hiện các can thiệp về chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em***

Cử cán bộ tham dự các lớp tập huấn về hệ thống ghi chép báo cáo.

Tổ chức tập huấn về hệ thống ghi chép báo cáo cho tuyến huyện, xã.

Tuyến tỉnh, tuyến huyện tổ chức các hoạt động hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho tuyến xã để thực hiện các can thiệp về chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em.

Thực hiện báo cáo định kỳ cho Bộ Y tế việc triển khai hoạt động tại địa phương.

## **2. Nhóm hoạt động “Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ - trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số” *(Thực hiện theo Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam).***

***2.1. Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế/người cung cấp dịch vụ tại các tuyến về chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời***

- Đối tượng học viên: cán bộ y tế/người cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản tại tỉnh, huyện, xã.

- Thời gian tập huấn: 03 ngày/lớp.

- Nội dung tập huấn:

+ Tư vấn/truyền thông về dinh dưỡng 1000 ngày đầu thông qua việc lồng ghép trong chăm sóc trước sinh tại cơ sở khám, chữa bệnh tuyến tỉnh/huyện; trạm y tế xã và cộng đồng.

+ Triển khai thực hiện Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 6/11/2014 về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo; Thông tư số 38/2016/TT-BYT ngày 31/10/2016 qui định một số biện pháp thúc đẩy nuôi con bằng sữa mẹ tại các cơ sở khám, chữa bệnh; Triển khai Quyết định số 5913/QĐ-BYT ngày 29/12/2021 về việc phê duyệt tài liệu "Tiêu chí và hướng dẫn đánh giá công nhận Bệnh viện thực hành nuôi con bằng sữa mẹ xuất sắc".

+ Quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ (EENC) với các trường hợp sinh thường và sinh mổ để trẻ được bú sớm trong 1h đầu sau sinh; Nuôi dưỡng trẻ bằng phương pháp Căng-gu-ru để trẻ được bú mẹ hoàn toàn.

+ Kiến thức và thực hành về ăn bổ sung hợp lý, theo dõi tăng trưởng, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, quản lý suy dinh dưỡng tại cộng đồng,...

***2.2. Triển khai mô hình Chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời***

Tổ chức triển khai mô hình Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho phụ nữ mang thai, trẻ nhỏ tại 17 xã khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Hằng năm, căn cứ vào hướng dẫn triển khai mô hình của Bộ Y tế và khả năng cân đối kinh phí của địa phương, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật xây dựng kế hoạch, lựa chọn từ 2-3 xã/năm để triển khai và tổ chức triển khai các hoạt động của mô hình đảm bảo chỉ tiêu được giao, cụ thể như sau:

a) Tổ chức khảo sát ban đầu tại các địa bàn sẽ triển khai: thu thập và tổng hợp số liệu báo cáo/thực địa, đề xuất nhu cầu, tổ chức các buổi thực địa,…

b) Triển khai tư vấn, hướng dẫn chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời lồng ghép trong chăm sóc trước sinh tại trạm y tế xã và tại cộng đồng.

c) Thực hiện Quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ (EENC) với các trường hợp sinh thường để trẻ được bú sớm trong 1 giờ đầu sau sinh tại trạm y tế xã có đỡ đẻ.

d) Tổ chức khám sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai 3 lần/thai kỳ/người (có thể lồng ghép vào khám thai); trẻ em dưới 2 tuổi 3 tháng/lần/trẻ (có thể lồng ghép vào khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em).

đ) Tổ chức các buổi hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ dựa trên các sản phẩm/thực phẩm tại địa phương.

- Địa điểm: Tại Trạm Y tế xã hoặc tại ấp

- Đối tượng: Phụ nữ có thai và bà mẹ có con dưới 2 tuổi

- Tần suất: theo khả năng cân đối kinh phí từ nguồn kinh phí của chương trình kết hợp với ngân sách của địa phương.

- Nội dung:

+ Sử dụng tài liệu truyền thông của Trung ương, tổ chức tư vấn/hướng dẫn/truyền thông về chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai; khuyến khích và hỗ trợ nuôi con bằng sữa mẹ; giáo dục ăn bổ sung hợp lý; bổ sung vi chất dinh dưỡng.

+ Trình diễn thức ăn bằng các thực phẩm sẵn có tại địa phương theo hướng dẫn của Viện Dinh dưỡng.

e) Tổ chức giám sát hỗ trợ kỹ thuật giữa các tuyến.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật là cơ quan đầu mối tổ chức việc giám sát hỗ trợ kỹ thuật cho huyện, xã (lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ các tuyến/đơn vị, thời gian tổ chức định kỳ, báo cáo).

***2.3. Hỗ trợ để cải thiện sức khoẻ và dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ nhỏ bao gồm cả các trường hợp khẩn cấp, mất mùa, thiên tai, dịch bệnh,…***

*2.3.1 Cung cấp viên sắt cho phụ nữ mang thai từ khi phát hiện mang thai đến 1 tháng sau sinh lồng ghép trong chăm sóc trước sinh*

Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày  
27/11/2014 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và các hướng dẫn của đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế. Hằng năm, TTKSBT tổng hợp số lượng phụ nữ mang thai từ khi phát hiện mang thai đến 1 tháng sau sinh, trẻ nhỏ từ 6-36 tháng tuổi; lập kế hoạch, dự trù kinh phí mua, tổ chức thực hiện mua sắm theo quy định hiện hành và cấp phát viên đa vi chất cho phụ nữ mang thai từ khi phát hiện mang thai đến 1 tháng sau sinh; viên vitamin A cho trẻ từ 6-36 tháng 2 lần/năm và bà mẹ cho con bú trong vòng 1 tháng sau sinh tại địa phương.

TTKSBT tổ chức phân bổ viên đa vi chất, vitamin A tới các trạm y tế xã, cơ sở khám chữa bệnh để các đơn vị triển khai cấp và hướng dẫn sử dụng viên đa vi chất, vitamin A lồng ghép trong chăm sóc trước sinh cho phụ nữ từ khi phát hiện mang thai đến 1 tháng sau sinh, trẻ nhỏ từ 6-36 tháng tuổi.

Tổ chức giám sát, thống kê báo cáo trong quá trình triển khai tại các đơn vị.

*2.3.2. Cấp phát gói bột đa vi chất cho trẻ trên 6 tháng đến 23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng để bổ sung vào bữa bột/cháo (bao gồm cả các trường hợp khẩn cấp: mất mùa, thiên tai, dịch bệnh,....)*

Căn cứ tình hình thực tế, TTKSBT tổng hợp số lượng, lập kế hoạch, dự trù kinh phí, tổ chức thực hiện mua sắm theo quy định hiện hành và cấp phát gói bột đa vi chất cho trẻ suy dinh dưỡng trên 6 tháng đến 23 tháng tuổi, bổ sung vào bữa bột/cháo (theo khuyến cáo của WHO). Số lượng: 60 gói/trẻ/đợt x 2 đợt/năm.

Tổ chức cấp phát, theo dõi, báo cáo việc sử dụng gói bột đa vi chất đúng đối tượng và hiệu quả.

*2.3.3. Quản lý, điều trị suy dinh dưỡng cấp tính cho trẻ em theo hướng dẫn của Bộ Y tế (Quyết định số 4487/QĐ-BYT ngày 18/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh SDD cấp tính ở trẻ em từ 0-72 tháng tuổi; Quyết định số 3779/QĐ-BYT ngày 26/8/2019 ban hành Hướng dẫn thực hiện quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi).*

Căn cứ tình hình thực tế, TTKSBT tổng hợp số lượng, lập kế hoạch, dự trù kinh phí, tổ chức thực hiện mua sắm theo quy định hiện hành và cấp phát sản phẩm dinh dưỡng đúng đối tượng và hiệu quả.

Đối tượng: Trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi được chẩn đoán suy dinh dưỡng cấp tính nặng.

Phác đồ điều trị trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng theo quy định hiện hành và các văn bản cập nhật của Bộ Y tế (nếu có).

***2.4. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới chuyên trách và cộng tác viên dinh dưỡng ở các ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số***

*2.4.1. Đào tạo chuyên trách dinh dưỡng, cộng tác viên dinh dưỡng*

Tổ chức tập huấn cho cán bộ trạm y tế xã để triển khai các can thiệp dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời (17 xã, mỗi xã 01 cán bộ chuyên trách).

Tổ chức tập huấn cho cộng tác viên dinh dưỡng khóm/ấp hoặc y tế ấp để triển khai các can thiệp dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời. (83 ấp, mối ấp 01 công tác viên)

*2.4.2. Hỗ trợ cộng tác viên dinh dưỡng*

Hỗ trợ công tác viên khóm/ấp mỗi tháng 50.000 đồng/người/ấp x 83 ấp/17 xã

## **3. Nhóm hoạt động: Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em**

***3.1. Điều tra tử vong mẹ, tử vong sơ sinh ở các vùng đồng bào DTTS, miền núi***

Phối hợp tổ chức điều tra theo hướng dẫn của trung ương

***3.2. Thẩm định tử vong mẹ***

Tổ chức thẩm định các trường hợp tử vong mẹ, gửi báo cáo về Tiểu ban thẩm định tử vong mẹ theo quy định (nội dung và định mức chi theo Mục đ, Khoản 4, Điều 37 Thông tư 15/2022/TT-BTC).

***3.3. Điều tra, đánh giá năng lực người đỡ đẻ***

Phối hợp tổ chức điều tra, đánh giá theo hướng dẫn của trung ương

***3.4. Phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ địa phương***

Triển khai, thực hiện các gói chính sách hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em tại các xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trung tâm Y tế các huyện, thị xã nghiên cứu đánh giá nhu cầu tại địa phương cho nội dung này để đề xuất đơn vị đầu mối triển khai nếu thật sự cấp thiết.

*3.4.1. Gói 1 - Chăm sóc trước sinh*

Nội dung của gói 1 bao gồm:

+ Khám thai định kỳ tối thiểu 4 lần theo Hướng dẫn quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản.

+ Hỗ trợ CSYT thực hiện sàng lọc xét nghiệm protein niệu (trong mỗi lần khám thai, tối đa 4 lần); xét nghiệm sàng lọc bằng test nhanh bệnh lây truyền HIV, viêm gan B và giang mai từ mẹ sang con (1 lần trong thai kỳ).

+ Cung cấp que thử protein niệu cho cô đỡ thôn bản (CĐTB) để thực hiện xét nghiệm tại nhà cho PNCT không đến khám thai tại CSYT.

Hoạt động địa phương

+ Cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn giảng viên, hội thảo do Trung ương tổ chức.

+ Tổ chức 01 lớp tập huấn cho các Trạm y tế xã (17 xã khu vực III) về xét nghiệm protein niệu và sàng lọc HIV, viêm gan B và giang mai bằng test nhanh.

+ Triển khai hoạt động xét nghiệm protein niệu và sàng lọc HIV, viêm gan B và giang mai bằng test nhanh miễn phí cho PNCT tại các xã khu vực III, thanh toán chi phí cho TYT xã theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 37 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính.

+ Mua sắm, cung cấp que thử protein niệu cho cô đỡ thôn bản (CĐTB) để thực hiện xét nghiệm tại nhà cho PNCT không đến khám thai tại CSYT

+ Phối hợp với Hội LHPN cơ sở tuyên truyền, vận động phụ nữ khám thai định kỳ tại các cơ sở y tế; tư vấn kiến thức chăm sóc thai kỳ cho phụ nữ mang thai; chia sẻ, cập nhật với Hội LHPN cấp cơ sở thông tin số liệu về phụ nữ khám thai tại các cơ sở y tế

+ Theo dõi, giám sát, tổng hợp số liệu báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

*3.4.2. Gói 2 - Hỗ trợ chăm sóc trong sinh*

Nội dung của gói 2 bao gồm:

+ Hỗ trợ kinh phí cho nhân viên y tế, cô đỡ thôn bản đỡ đẻ tại nhà cho bà  
mẹ không đến đẻ tại cơ sở y tế.

+ Cung cấp gói đỡ đẻ sạch cho phụ nữ mang thai, CĐTB hoặc YTTB để  
thực hiện đỡ đẻ tại nhà.

+ Cung cấp túi dụng cụ cho cô đỡ thôn bản đang hoạt động (Chỉ cấp cho  
CĐTB chưa được cấp túi hoặc đã được cấp nhưng hỏng không sử dụng được).

+ Ngoài ra, trong khuôn khổ Dự án 8, Hội LHPN sẽ hỗ trợ cho bà mẹ đến  
đẻ tại cơ sở y tế tiền đi lại, tiền ăn trong thời gian lưu trú tại cơ sở y tế và gói vật  
tư chăm sóc bà mẹ và sơ sinh trong và ngay sau đẻ.

Hoạt động tại địa phương:

+ Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn, hội thảo do Trung ương tổ chức.

+ Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ y tế, cô đỡ thôn bản để thực hiện  
chăm sóc trước, trong và sau sinh cho bà mẹ và trẻ sơ sinh đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu tập huấn được Trung ương giao hằng năm.

+ Hỗ trợ kinh phí cho nhân viên y tế, cô đỡ thôn bản đỡ đẻ tại nhà cho bà  
mẹ không đến đẻ tại cơ sở y tế (theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 37 Thông  
tư 15/2022/TT-BTC).

+ Mua túi dụng cụ cô đỡ thôn bản để phát cho CĐTB chưa có túi dụng cụ  
CĐTB hoặc túi đã hỏng không sử dụng được.

+ Mua gói đỡ đẻ sạch để cấp cho phụ nữ mang thai, CĐTB.

+ Theo dõi, giám sát, tổng hợp số liệu báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

+ Chỉ đạo các CSYT, mạng lưới YTTB, CĐTB phối hợp với Hội LHPN các cấp để triển khai, thực hiện và phổ biến gói chính sách hỗ trợ phụ nữ đến đẻ tại CSYT (trong khuôn khổ Dự án 8 - theo hướng dẫn của Trung ương Hội LHPN).

*3.4.3. Gói 3 - Hỗ trợ chăm sóc sau sinh*

Nội dung của gói 3 bao gồm:

+ Hỗ trợ kinh phí cho nhân viên y tế khi thực hiện chăm sóc bà mẹ và sơ  
sinh tại nhà (3 lần trong 42 ngày sau đẻ).

+ Ngoài ra, trong khuôn khổ Dự án 8, Hội LHPN sẽ hỗ trợ lương thực, dinh  
dưỡng cho bà mẹ nuôi con bú trong vòng 6 tháng

Hoạt động tại địa phương:

+ Hỗ trợ kinh phí cho nhân viên y tế, CĐTB khi thực hiện chăm sóc bà mẹ  
và sơ sinh tại nhà (3 lần trong 42 ngày sau đẻ) theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 37 Thông tư 15/2022/TT-BTC.

+ Theo dõi, giám sát, tổng hợp số liệu báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

+ Chỉ đạo các CSYT, mạng lưới YTTB, CĐTB phối hợp với Hội LHPN các cấp để phổ biến gói chính sách hỗ trợ lương thực, dinh dưỡng cho bà mẹ nuôi con bú trong vòng 6 tháng đầu sau sinh (trong khuôn khổ Dự án 8 - theo hướng dẫn của Trung ương Hội LHPN).

*3.4.4. Gói 4 Chăm sóc sức khỏe trẻ em*

Nội dung của gói 4 bao gồm:

+ Hỗ trợ cơ sở y tế thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho trẻ dưới 24 tháng  
tuổi theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

+ Lưu ý: Các đối tượng trẻ em khác thực hiện khám sức khoẻ định kỳ theo  
Thông tư số 23/2017/TT-BYT ngày 15/5/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn việc việc  
lập hồ sơ theo dõi sức khoẻ, khám sức khoẻ định kỳ cho trẻ em; tư vấn và chăm  
sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em.

Hoạt động tại địa phương

+ Cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn giảng viên, hội thảo do Trung ương  
tổ chức;

+ Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế về khám sức khỏe định kỳ  
cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi:

+ Hỗ trợ cơ sở y tế thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho trẻ dưới 24 tháng  
tuổi theo hướng dẫn của Bộ Y tế (tối đa 4 lần/trẻ, định mức chi theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 37 Thông tư 15/2022/TT-BTC): Các tỉnh rà soát số trẻ em dưới 24 tháng tuổi, lập kế hoạch thực hiện khám sức khỏe định kỳ; Huy động nhóm bác sĩ và cán bộ y tế tuyến tỉnh, huyện phối hợp với Trạm y tế xã để tổ chức khám; Sử dụng Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ - trẻ em trong khám sức khỏe định kỳ trẻ em.

+ Theo dõi, giám sát, tổng hợp số liệu báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

## **4. Nhóm hoạt động “Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em”**

Thực hiện các hoạt động truyền thông về chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em tại các xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bao gồm các hoạt động:

***4.1. Khảo sát xác định mô hình, nội dung, hình thức truyền thông về sức khỏe bà mẹ trẻ em phù hợp với bối cảnh văn hóa của các dân tộc***

Hỗ trợ Trung ương trong việc thực hiện khảo sát.

Cung cấp các thông tin, báo cáo, tài liệu có liên quan về lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em khi có yêu cầu.

Tham gia các ý kiến góp ý cho khảo sát nhằm xác định mô hình, nội dung, hình thức truyền thông về sức khỏe bà mẹ trẻ em phù hợp với bối cảnh văn hóa của các dân tộc.

***4.2. Phát động chiến dịch và triển khai Tuần lễ thế giới Nuôi con bằng sữa mẹ tháng 8 hằng năm; Tuần Lễ Làm mẹ an toàn tại tuyến cơ sở vào tháng 10 hằng năm***

+ Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của trung ương, đơn vị đầu mối cấp tỉnh sẽ ban hành hành Hướng dẫn tổ chức Tuần lễ thế giới Nuôi con bằng sữa mẹ và Tuần Lễ Làm mẹ an toàn phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, đơn vị.

+ Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn chi tiết các xã, phường, thị trấn đồng thời tổ chức đẩy mạnh đồng loạt các hoạt động truyền thông, cung cấp dịch vụ về chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em kết hợp tổ chức khám thai, tư vấn chăm sóc sức khoẻ, dinh dưỡng trong thai kỳ (dự kiến vào tháng 10 hằng năm).

+ Tổ chức chiến dịch truyền thông và các hoạt động khác trong Tuần lễ thế giới Nuôi con bằng sữa mẹ và Tuần Lễ Làm mẹ an toàn theo hướng dẫn.

+ Theo dõi, giám sát, tổng hợp báo cáo các hoạt động thực hiện Tuần lễ thế giới Nuôi con bằng sữa mẹ và Tuần Lễ Làm mẹ an toàn của các địa phương, đơn vị và gửi về Bộ Y tế.

***4.3. Phát triển, xây dựng và in ấn, nhân bản các sản phẩm truyền thông phù hợp với bối cảnh văn hóa của từng dân tộc như tờ rơi, áp phích, tranh lật, sách mỏng....***

+ Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương, đơn vị đầu mối tuyến tỉnh sẽ tiếp nhận tài liệu mẫu, in ấn, nhân bản và phân phối đến mạng lưới y tế cơ sở, các mô hình và hộ gia đình trên địa bàn Dự án.

+ Phổ biến, hướng dẫn các đơn vị trong tỉnh sử dụng tài liệu truyền thông tại cơ sở và các hoạt động tại cộng đồng hiệu quả.

+ Theo dõi, giám sát việc sử dụng các tài liệu truyền thông tại các cơ sở y tế, cộng đồng, tổng hợp các ý kiến phản hồi gửi báo cáo về Bộ Y tế

***4.4. Phát triển, xây dựng các sản phẩm truyền thông về chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em phù hợp với bối cảnh văn hóa của từng dân tộc, bao gồm tin bài, video phổ biến kiến thức, phóng sự, trailer quảng bá, bài phát thanh... trên các phương tiện truyền thông đại chúng và mạng xã hội.***

Nội dung: Biên soạn, thiết kế các tài liệu truyền thông mẫu như bao gồm tin bài, video phổ biến kiến thức, phóng sự, trailer quảng bá, bài phát thanh cấp phát cho địa phương sử dụng trên các phương tiện truyền thông đại chúng, mạng xã hội.

Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương, đơn vị đầu mối tuyến tỉnh sẽ ban  
hành văn bản phổ biến các tài liệu truyền thông cho các cơ sở y tế trong tỉnh sử  
dụng tại cơ sở và các hoạt động tại cộng đồng.

+ Ký hợp đồng với các cơ quan văn hóa Huyện, đài phát thành Huyện để phổ biến tài liệu đến cộng đồng.

+ Biên tập, biên tập lại các tin/ bài để sử dụng tại địa phương phù hợp (nếu cần).

+ Theo dõi, giám sát việc sử dụng các tài liệu truyền thông tại các cơ sở y tế, cộng đồng, tổng hợp báo cáo các ý kiến phản hồi gửi về Bộ Y tế.

***4.5. Nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ các các cấp bao gồm cán bộ y tế và ban, ngành, đoàn thể cấp cơ sở về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em***

Các tỉnh lập danh sách cán bộ tham dự tập huấn và đăng ký nhu cầu để trung ương có căn cứ lập kế hoạch tổ chức lớp tập huấn.

Tập huấn cập nhật và giám sát hỗ trợ kỹ thuật cho đội ngũ này trong quá trình triển khai hàng năm.

Tổ chức các lớp tập huấn, cung cấp kiến thức và kỹ năng truyền thông để y tế thôn bản, cộng tác viên dinh dưỡng thôn bản triển khai hiệu quả các can thiệp chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và dinh dưỡng theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Bố trí ngân sách địa phương tổ chức tập huấn cho y tế tuyến xã và cán bộ các ban, ngành, đoàn thể về kiến thức và kỹ năng truyền thông chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em

**IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân bổ tại Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 13/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Dự án 7: 13.946,9 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 13.482 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

+ Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh): 464,9 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Y tế**

Phối hợp với các sở, ngành, UBND huyện, thị xã và các đơn vị liên quan chủ động tổ chức triển khai thực hiện, tham mưu, để trình cấp thẩm quyền giao các chỉ tiêu kế hoạch.

Phối hợp với các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giai đoạn 2021 – 2025 và hàng năm, trình phê duyệt và phân bổ kinh phí cho các đơn vị thực hiện.

Chịu trách nhiệm chuyên môn về các hoạt động đào tạo, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe trong dự án, phối hợp công tác kiểm tra, giám sát thực hiện công tác chuyên môn và thẩm định phê duyệt bổ sung danh mục dịch vụ kỹ thuật cho các đơn vị.

Phụ trách rà soát, tổng hợp nhu cầu đào tạo hàng năm gởi Phòng Kế hoạch Tài chính xây dựng kế hoạch;

Tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo trong khuôn khổ dự án, phê duyệt các chương trình đào tạo theo thẩm quyền và chỉ đạo công tác đào tạo, cấp chứng nhận sau đào tạo cho học viên tham gia các lớp đào tạo theo quy định và phối hợp, liên kết đào tạo với các cơ sở có chức năng đào tạo đối với các chương trình chưa cấp được chứng chỉ theo quy định hiện hành.

**2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

Phối hợp với Sở Y tế chỉ đạo y tế địa phương chủ động tổ chức triển khai thực hiện, tham mưu, trình cấp thẩm quyền giao các chỉ tiêu kế hoạch.

Phối hợp kiểm tra, giám sát và theo dõi tiến độ triển khai các chương trình, dự án được tổ chức tại địa phương.

**3. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế**

***3.1. Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật***

Đơn vị đầu mối tham mưu cho Sở Y tế các hoạt động liên quan đến chương trình và chủ trì triển khai nội dung 3 “Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số” trên địa bàn tỉnh. Chủ động xây dựng Kế hoạch, triển khai thực hiện các hoạt động, theo dõi, giám sát việc thực hiện.

Sau khi Kế hoạch được phê duyệt, đơn vị đầu mối gửi kế hoạch về Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ; định kỳ 6 tháng/lần tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện gửi về Sở Y tế và Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế.

Các Trung tâm Y tế huyện, thị xã nơi có Dự án 7 - Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi. Căn cứ vào Kế hoạch của tỉnh đã ban hành, xây dựng Kế hoạch triển khai của đơn vị phù hợp với tình hình, đặc điểm cụ thể của địa phương. Đồng thời, cân đối nguồn lực của địa phương để đầu tư triển khai thực hiện.

Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể thực hiện các giải pháp nhằm đạt được chỉ tiêu về sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị trực thuộc, trong việc triển khai thực hiện. Báo cáo hàng quý/năm gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

***3.2. Chi cục Dân số - KHHGĐ***

Chủ trì triển khai nội dung 2 “Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc dự án 7- chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; thực hiện tốt sàng lọc trước sinh, sơ sinh; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em”.

Sau khi Kế hoạch được phê duyệt, đơn vị đầu mối gửi Kế hoạch về Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ; định kỳ 6 tháng/lần tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện gửi về Sở Y tế và Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế.

Các Trung tâm Y tế huyện, thị xã nơi có Dự án căn cứ vào Kế hoạch của tỉnh đã ban hành, xây dựng Kế hoạch triển khai của đơn vị phù hợp với tình hình, đặc điểm cụ thể của địa phương. Đồng thời, cân đối nguồn lực của địa phương để triển khai thực hiện.

Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể thực hiện các giải pháp nhằm đạt được chỉ tiêu về sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị trực thuộc, trong việc triển khai thực hiện. Báo cáo hàng quý/năm gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

***3.3. Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Chuyên khoa Sản - Nhi***

Chủ trì xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, tập huấn cho y tế các tuyến đối với các các lĩnh vực chuyên môn được phê duyệt chương trình.

Phối hợp tổ chức đào tạo và quản lý các chương trình đào tạo, tập huấn trong khuôn khổ dự án theo sự phân công của Sở Y tế.

***3.4. Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố***

Đơn vị đầu mối tại địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố kế hoạch triển khai chương trình tại địa phương và phối hợp với các đơn vị được giao nhiệm vụ nêu trên triển khai các hoạt động của chương trình.

Lập danh mục kỹ thuật, nội dung cần nâng cao kiến thức cho nhân viên y tế ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và danh sách nhân viên y tế cần đào tạo gởi về Sở Y tế tổng hợp xây dựng kế hoạch đào tạo.

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị trực thuộc, trong việc triển khai thực hiện. Báo cáo hàng quý/năm gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Dự án 7- Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc nguời dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Bộ Y tế;  - Ban CSSK nhân dân;  - UBND huyện, thị xã, thành phố;  - Ban Dân tộc tỉnh;  - Sở Tài chính;  - Sở Y tế;  - Lưu: VT, VX. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH** |